TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2022/KDTM-ST Ngày 10-6-2022 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-KDTM ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty B; trụ sở: Số 99 đường H khu phố 3, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Như P1; địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/02/2022). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty G; trụ sở: Số 3/22 đường Lê Văn Tánh, khu phố B1, phường A, thành phố A1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tô Khoa T1, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Như P1 trình bày:

Công ty B (sau đây gọi tắt là Công ty B) có ký Hợp đồng mua bán số 137/2021/HB/HĐMB ngày 12/01/2021 với Công ty G (sau đây gọi tắt là Công ty G). Thời điểm ký hợp đồng Công ty G hoạt động với tên Công ty P, đến ngày 30/12/2021 đổi tên thành Công ty G. Tuy nhiên, khi thay đổi tên doanh nghiệp Công ty G không thông báo cho Công ty B được biết. Theo hợp đồng Mua bán Công ty B bán cho Công ty Gcác loại mặt hàng sau: Dầu DO 0,05S-II, xăng E5Ron92-II, xăng Ron 95-III và dầu nhờn các loại; địa điểm giao nhận hàng tại Cửa hàng xăng dầu số 08 số 1062, khu phố 8, phường M1, thành phố M, tỉnh Bình Dương và bơm xăng, dầu trực tiếp tại trụ bơm của Công ty B; việc giao nhận hàng do cán bộ nhân viên của hai bên ký và xác nhận; giá cả theo từng thời điểm trên cơ sở giá bán lẻ của Công ty B; chốt công nợ vào ngày cuối cùng của tháng và tiến hành đối chiếu công nợ từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng liền kề và chậm nhất đến ngày 10 sau khi đối chiếu công nợ Công ty G phải thanh toán hết số nợ của tháng trước. Sau ngày 10 Công ty Gchưa thanh toán tiền hàng cho Công ty B thì Công ty B sẽ ngưng cung cấp hàng cho bên Công ty G và Công ty G phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức lãi suất 0,05%/ngày/tổng số tiền nợ; biên bản đối chiếu công nợ là căn cứ để xác định số lượng, giá trị hàng hóa giao nhận giữa hai bên trong tháng. Công ty G sẽ ký quỹ cho Công ty B số tiền 20.000.000 đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G còn nợ Công ty B 76.740.000 đ (chưa trừ tiền ký quỹ 20.000.000 đ). Công ty B nhiều lần yêu cầu Công ty Gtrả nợ nhưng Công ty Gcố tình né tránh không thanh toán. Hai bên đã tiến hành ký biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ lần cuối cùng vào ngày 25/05/2021 với nội dung Công ty Gcòn nợ của Công ty B số tiền 76.740.000 đ chưa trừ tiền ký quỹ 20.000.000 đ. Đồng thời do khó khăn từ dịch Covid nên Công ty G mong muốn Công ty B hỗ trợ cho Công ty Gthanh toán nợ thành 03 đợt " *15/7/2016: 18.000.000; 15/8/2021: 19.000.000; 15/9/2021: 19.740.00*". Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán Công ty G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty B.

Nay Công ty B yêu cầu Công ty G thanh toán các khoản sau:

+ Nợ tiền mua xăng, dầu 56.740.000 đ;

+ Lãi chậm thanh toán: Từ ngày 16/9/2021 đến ngày 10/6/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 08 tháng 25 ngày (tức 265 ngày): 56.740.000đ x 0,05%/ngày x 265 ngày = 7.518.000đ;

Tổng cộng là 64.258.000đ.

- Đối với bị đơn Công ty G: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228, 229 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/4/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn và người làm chứng đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228, 229 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Ngày 16/3/2022, nguyên đơn có đơn xin xác nhận lại tên của bị đơn. Xét thấy, việc xác định lại tên của bị đơn theo đúng giấy đăng ký doanh nghiệp là cần thiết; người đại diện theo pháp luật của bị đơn không thay đổi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xác nhận của nguyên đơn và xác định lại tên của bị đơn là Công ty G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 12/01/2021 nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng mua bán số 137/2021/HB/HĐMB về việc mua bán các loại xăng, dầu. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp các loại xăng dầu cho bị đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Ngày 25/5/2021 nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ lần cuối cùng với tổng số tiền bị đơn còn nợ của nguyên đơn "*…76.740.000đ (chưa trừ tiền cọc)"*. Do khó khăn từ dịch Covid nên bị đơn mong muốn nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn thanh toán nợ thành 03 đợt "*…15/7/2016: 18.000.000; 15/8/2021: 19.000.000; 15/9/2021: 19.740.00*"…. Tuy nhiên quá thời hạn thanh toán tiền nợ bị đơn cố tình né tránh

không thanh toán nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua xăng dầu cho nguyên đơn.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và yêu cầu Công ty G có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty B. Tòa án cũng đã thông báo cho Công ty Gđến hòa giải, tuy nhiên Công ty G không đến tham gia hòa giải, không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty B cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả 01 phần hay toàn bộ số tiền nợ xăng, dầu của Công ty B. Như vậy, Công ty G mặc nhiên thừa nhận đối với các yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.3] Xét, Hợp đồng mua bán số 137/2021/HB/HĐMB được ký kết giữa Công ty B và Công ty P (ngày 30/12/2021 đổi tên thành Công ty G) ngày 12/01/2021 là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên nên có giá trị bắt buộc thực hiện.

Tại Cam kết thanh toán ngày 21/4/2021 do người đại diện theo pháp luật của Công ty G xác nhận có nội dung "*10/5/2021: thanh toán 20.000.000 đồng; 10/6/2021: thanh toán 20.000.00 đồng; cuối tháng 06: trừ cọc 20.000.000 đồng, trả dứt hết 16.740.000 đồng"..* và Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ lần cuối cũng ngày 25/5/2021 do người đại diện của bị đơn ký xác nhận có nội dung " *Công ty sẽ sắp xếp trả nợ thep thời gian sau: 18.000.000; 15/8/2021: 19.000.000; 15/9/2021: 19.740.000. Tình hình dịch covid mong quý công ty hỗ trợ, chúng tôi sẽ cố gắng để trả đúng hạn*" đã có đủ căn cứ chứng minh Công ty Công ty G có nợ tiền mua xăng, dầu của Công ty B. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng xăng dầu còn thiếu 56.740.000 đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

[3] Về lãi chậm thanh toán: Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Tại Điều 4.2 của Hợp đồng mua bán số 137/2021/HB/HĐMB ngày 12/01/2021 nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận "*….bên A có trách nhiệm gửi biên bản đối chiếu công nợ cho bên B từ ngày 1 đến ngày 5 của tháng kề tháng đối chiếu, bên B ký xác nhận công nợ và gửi trả lại cho bên A một bản, chậm nhất ngày 10 của tháng kề tháng đối chiếu bên B phải thanh toán hết số tiền nợ của tháng trước cho bên A. Nếu sau ngày 10 mà bên B vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không hết, bên A sẽ tạm ngưng cung cấp hàng cho bên B (Mọi tổn thất xảy ra cho bên B do bên A ngưng cung cấp hàng bên B tự gánh chịu) và bên phải chịu phạt trả chậm với lãi suất 0,05%/ngày/tổng số tiền nợ tính từ ngày hết hạn*

thanh toán theo quy định (ngày 10 hàng tháng". Nay, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán 0,05%/ngày tương ứng với 1,5%/tháng và tiền lãi được tính từ ngày 16/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/6/2022 là 08 tháng 25 ngày (tức 265 ngày) là: 56.740.000 đ x 0.05%/ngày x 265 ngày = 7.518.000 đ là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ xăng dầu 56.740.000 đ và lãi chậm thanh toán 7.518.000 đ, tổng cộng là 64.258.000đ.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty G phải chịu án phí trên số tiền trả cho nguyên đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 229, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 50, 306 Luật thương mại.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B đối với bị đơn Công ty G về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty G có nghĩa vụ trả cho Công ty B khoản nợ 64.258.000 (sáu mươi tư triệu hai trăm năm mươi tám nghìn) đồng, trong đó:

+ Khoản nợ tiền xăng dầu: 56.740.000 (năm mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng;

+ Lãi chậm thanh toán: 7.518.000 (bảy triệu năm trăm mười tám nghìn) đồng.

Lãi suất đối với số tiền xăng dầu chưa thanh toán 56.740.000 (năm mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng được tiếp tục tính kể từ ngày 11/6/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán số 137/2021/HB/HĐMB ngày 12/01/2021 cho đến khi Công ty G thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty G phải chịu 3.212.900 (ba triệu hai trăm mười hai nghìn chín trăm) đồng. Trả lại cho Công ty B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 1.610.000 (một triệu sáu trăm mười nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003530 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương